

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31-12-2024

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Chuyên

Ông Trương Tha

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Như Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 549/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị Bi T** - sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ A T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Ông **Lê Ngọc T1** - sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Bi T trình bày:

Bà và ông Lê Ngọc T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2018. Thời gian ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn bởi bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng càng trầm trọng đến năm 2022 vợ chồng quyết định ly thân. Mặc dù, vợ chồng nhiều lần cố gắng hàn gắn

nhưng không có kết quả. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông Lê Ngọc T1 có 01 con chung là Lê Tấn K, sinh ngày 16/8/2018. Hiện nay cháu K đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Ngọc T1 được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hoà tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Ngọc T1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Võ Thị Bi T và ông Lê Ngọc T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị Bi T và ông Lê Ngọc T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N (*giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 21/3/2018*) đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà T và ông T1 đã phát sinh mâu thuẫn sinh mâu thuẫn kéo dài không được khắc phục, làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà T không còn chung sống với ông T1 và yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Ngọc T1 được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt là không thể hiện sự thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà T và ông T1 không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn ông T1 là có cơ sở. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Võ Thị Bi T là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Võ Thị Bi T và ông Lê Ngọc T1 có 01 con chung là Lê Tấn K, sinh ngày 16/8/2018. Hiện nay cháu K đang sống cùng với bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Yêu cầu của bà T là chính đáng và phù hợp nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Bi T được ly hôn với ông Lê Ngọc T1.

- *Về con chung:* Giao 01 con chung là Lê Tấn K, sinh ngày 16/8/2018 cho bà Võ Thị Bi T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông Lê Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Về án phí: Bà Võ Thị Bi T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006187 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- UBND xã Ninh Bình, GCNKH số 18/2018
- CCTHADS thị xã N;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhất Anh